TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2018/DS-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Nga.

Ông Trần Thanh Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1975.(có mặt)

Cư trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Bùi Thiện B, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Bà Phan Thị Tố N, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Phước T trình bày:

Do quen biết, tháng 5 năm 2017 ông Bùi Thiện B, bà Phan Thị Tố N có vay ông số tiền 1.500.000.000 đồng. Khi vay tiền không có làm biên nhận do tin tưởng, vay không có thỏa thuận lãi suất, ông B, bà N hứa khoảng hai tháng sau sẽ trả tiền lại cho ông. Ngày 18 tháng 4 năm 2018, ông B có làm biên nhận thừa nợ ông số tiền 1.500.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu ông B, bà N có nghĩa vụ liên đới trả ông số tiền còn nợ 1.500.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Ông Bùi Thiện B, bà Phan Thị Tố N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa ông T với ông B, bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và thể hiện bằng biên nhận nợ ngày 18/4/2018 có nội dung "Ông Bùi Thiện B có mượn của ông Nguyễn Phước T số tiền 1.500.000.000 đồng". Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu ông B, bà N trả 1.500.000.000 đồng là phù hợp các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Nguyễn Phước T khởi kiện ông Bùi Thiện B, bà Phan Thị Tố N. Ông B, bà N cư trú tại ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Bùi Thiện B, bà Phan Thị Tố N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Giữa ông T và ông B có xác lập hợp đồng vay tài sản vào tháng 05/2017, không thỏa thuận thời hạn, không thỏa thuận lãi suất, đến ngày 18/4/2018 ông B có ký tên vào biên nhận nợ. Xét thấy, hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp. Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận ban đầu nên ông B phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho ông T.

Ông T yêu cầu ông B, bà N liên đới trả số tiền 1.5000.000.000 đồng, tại biên bản xác minh ngày 31/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, ông B, bà N là vợ chồng. Số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay để kinh doanh nhằm phát triển khối tài sản chung và để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình nên ông B, bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T 1.500.000.000 đồng là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về lãi suất: Ông Nguyễn Phước T không yêu cầu ông B, bà N trả lãi suất, kể cả giai đoạn thi hành án, chỉ yêu cầu lấy lại vốn 1.500.000.000 đồng. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, phù hợp Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông B, bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 5, 26, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, 357, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T.

- Buộc ông Bùi Thiện B, bà Phan Thị Tố N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phước T 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Thiện B, bà Phan Thị Tố N liên đới chịu 57.000.000 (năm mươi bảy triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Phước T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 28.500.000 (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019646 ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới